

-(으)ㄹ게요

tôi sẽ — lời hứa với người nghe

Thông báo điều bạn sắp làm, có tính đến người nghe. Chỉ dùng cho bản thân, và không bao giờ dùng để hỏi.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-ㄹ게요	가다 → 갈게요
Kết thúc bằng phụ âm	-을게요	먹다 → 먹을게요
Kết thúc bằng ㄹ	-게요	만들다 → 만들게요
Chủ ngữ	chỉ tôi hoặc chúng tôi	제가 할게요
Không bao giờ là câu hỏi	dùng -(으)ㄹ까요?	갈까요? — không phải 갈게요?
Chính tả	viết 게요, đọc [게요]	갈게요 — không phải 갈게요

Khi nào dùng

-(으)ㄹ게요 là một cam kết dành cho người nghe: 제가 도와줄게요 (Tôi sẽ giúp bạn), 내일 전화할게요 (Mai tôi sẽ gọi cho bạn). Nó đáp lại hoàn cảnh của người nghe, vì vậy nghe ấm áp, trong khi -겠- nghe trang trọng.

Từ đó có ba hạn chế. Chủ ngữ phải là tôi hoặc chúng tôi, vì bạn không thể hứa thay người khác. Nó chỉ dùng với động từ hành động. Và nó không thể là câu hỏi — 갈게요? không tồn tại; hãy dùng -(으)ㄹ까요? thay thế.

Cách gắn theo quy tắc chuẩn, với dạng ngắn cho ㄹ: 만들다 thành 만들게요. Lưu ý chính tả — đọc là [게요] nhưng luôn viết là 게요.

Ví dụ trong câu

- 1

제가 먼저 갈게요.
Tôi đi trước nhé.
- 2

내일 다시 연락할게요.
Mai tôi sẽ liên lạc lại.
- 3

조금 이따가 전화할게요.
Lát nữa tôi sẽ gọi cho bạn.
- 4

이건 제가 낼게요.
Để tôi trả tiền cái này.
- 5

잘 생각해 볼게요.
Để tôi suy nghĩ thêm.
- 6

금방 갔다 올게요.
Tôi quay lại ngay.

So sánh với

-(으)ㄹ 거예요

-(으)ㄹ 거예요 nói về một kế hoạch có sẵn, dù bạn có đang nói chuyện với ai hay không. -(으)ㄹ게요 được hình thành trong cuộc hội thoại và thường điều chỉnh theo điều người kia vừa nói.

내일 부산에 갈 거예요. (kế hoạch của tôi) / 그럼 제가 갈게요. (vậy thì tôi sẽ đi)

-겠-

Cùng là lời hứa, khác hoàn cảnh. -겠습니다 là cách nói trong cuộc họp hoặc với khách hàng; -(으)ㄹ게요 là cách nói với đồng nghiệp hay bạn bè.

제가 하겠습니다. (trang trọng) / 제가 할게요. (thường ngày)

-(으)ㄹ래요

-(으)ㄹ래요 diễn tả điều bạn muốn làm, không kèm nghĩa vụ. -(으)ㄹ게요 đưa ra một cam kết mà người nghe có thể trông vào.

저는 집에 갈래요. (Tôi muốn về nhà hơn) / 저는 집에 갈게요. (Vậy tôi về nhà nhé)

Lưu ý

- ✗ 저녁은 제가 만들게요.

○ 저녁은 제가 만들게요.

Gốc từ kết thúc bằng ㄹ đã có sẵn ㄹ. 살게요, 놀게요, 팔게요 cũng theo cùng kiểu.
- ✗ 동생이 내일 올게요.

○ 동생이 내일 올 거예요.

Bạn chỉ có thể hứa cho bản thân. Kế hoạch của người khác dùng -(으)ㄹ 거예요.
- ✗ 제가 먼저 갈게요?

○ 제가 먼저 갈까요?

Đuôi này không thể dùng để hỏi. Để hỏi người kia có đồng ý với đề xuất của bạn không, hãy dùng -(으)ㄹ까요?